

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2025/KDTM-ST

Ngày: 16 – 4 - 2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hoá*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh.

Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 123/2024/TLST-KDTM ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-KDTM ngày 07/02/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2025/QĐST-KDTM ngày 17/3/2025 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 87/TB – TA ngày 07/4/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S.

Địa chỉ: Số A - A, lô C, đường I, KDC A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hồ D – Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1985.

Địa chỉ liên lạc: Khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên X.

Địa chỉ trụ sở: Số D, khu phố C, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn T1.

Địa chỉ: Số D, khu phố C, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(ông T có đơn xin xét xử vắng mặt; ông T1 vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Viết T trình bày:

Công ty TNHH Một thành viên X Nguyễn Tấn Phương N đã ký hợp số 49A/2021/HĐMB/SZA-XNVLXD&DV ngày 22/12/2021 với Công ty Cổ phần S để mua bê tông thi công các công trình tại khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH Một thành viên X Nguyễn Tấn Phương N đã mua bê tông với tổng số tiền là 359.357.001 đồng (*Ba trăm năm mươi chín triệu, ba trăm năm mươi bảy nghìn, không trăm linh một đồng*), đã thanh toán cho Công ty Cổ phần S tổng số tiền là 339.091.910 đồng (*Ba trăm ba mươi chín triệu, không trăm chín mươi một nghìn, chín trăm mười đồng*) và còn nợ số tiền là 20.265.091 đồng (*Hai mươi triệu, hai trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm chín mươi một đồng*), đến ngày 16/11/2023 là đợt phát sinh công nợ cuối cùng tính đến nay.

Hiện nay mặc dù đã quá thời hạn thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng mà Công ty TNHH Một thành viên X vẫn chưa thanh toán số tiền nợ trên cho Công ty Cổ phần S. Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Công ty Cổ phần S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty TNHH Một thành viên X phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S toàn bộ số nợ gốc là 20.265.091 đồng (*Hai mươi triệu, hai trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm chín mươi một đồng*) và tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm 16/4/2025 với mức lãi suất 10%/năm là 5.741.000 đồng (*Năm triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn đồng*). Tổng cộng là: 26.006.091 đồng (*Hai mươi sáu triệu, không trăm linh sáu nghìn, không trăm chín mươi một đồng*).

- **Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên X:** Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa xét xử nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S, buộc Công ty TNHH Một thành viên X phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền nợ là: 26.006.091 đồng (*Hai mươi sáu triệu, không trăm linh sáu nghìn, không trăm chín mươi một đồng*). Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đại diện theo pháp luật của bị đơn đến tòa để tham gia các buổi làm việc, phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Căn cứ các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên X có trụ sở tại thành phố B nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[3] Về nội dung vụ án:

Về yêu cầu tiền gốc: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án không làm việc được với bị đơn Công ty TNHH Một thành viên X nhưng căn cứ vào Hợp đồng mua bán số 49A/HĐMB/SZA – XNVLXD&DV ngày 22/12/2021 được ký kết giữa các bên, các hóa đơn giá trị gia tăng, biên bản xác nhận công nợ ngày 29/02/2024 và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở xác định Công ty TNHH Một thành viên X có nợ tiền mua hàng của Công ty Cổ phần S, số tiền gốc còn nợ chưa thanh toán là 20.265.091 đồng (*Hai mươi triệu, hai trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm chín mươi một đồng*) như nguyên đơn trình bày là có thật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần niêm yết chứng cứ khởi kiện và các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng bị đơn Công ty TNHH Một thành viên X không đến Tòa án, không có ý kiến phản hồi, do vậy nên xem như Công ty TNHH Một thành viên X đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và mặc nhiên thừa nhận nợ.

Về yêu cầu tiền lãi: Công ty Cổ phần S yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên X phải trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm 16/4/2025 theo mức lãi suất 10%/năm là: 5.741.000 đồng (*Năm triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn đồng*).

Xét thấy tại Hợp đồng mua bán hàng hóa số 49A/HĐMB/SZA – XNVLXD&DV ngày 22/12/2021 được ký kết giữa các bên có thỏa thuận trách nhiệm về việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán như sau: “...*Nếu bên B không thực hiện đúng điều kiện thanh toán như trên, thì bên A có quyền ngưng cung cấp bê tông mà không cần phải lập thêm biên bản thỏa thuận nào khác giữa hai bên và bên B phải chịu thêm khoản tiền lãi suất trả chậm là lãi suất quá hạn của Ngân hàng TMCP Đ trên tổng số tiền nợ quá hạn.*”. Theo kết quả xác minh tại Ngân hàng TMCP Đ thì mức lãi suất quá hạn hiện nay của Ngân hàng đang áp dụng là 11,25%/năm. Xét thấy mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu chỉ 10%/năm là có lợi cho phía bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Từ sự nhận định trên, căn cứ theo quy định tại các Điều 430, 431, 432, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 24, 50, 306 của Luật thương mại và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S, buộc bị đơn Công ty TNHH Một thành viên X Nguyễn Tấn Phương N phải thanh toán tổng số tiền còn nợ là 26.006.091 đồng (*Hai mươi sáu triệu, không trăm linh sáu nghìn, không trăm chín mươi một đồng*).

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Một thành viên X phải chịu án phí theo quy định. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 30, 35, 39, 227, 228, 238, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 542, 543, 547, 552 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 24, 50, 306 của Luật thương mại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S.

Buộc bị đơn Công ty TNHH Một thành viên X phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 16/4/2025 là 26.006.091 đồng (*Hai mươi sáu triệu, không trăm linh sáu nghìn, không trăm chín mươi một đồng*) (Trong đó: tiền gốc: 20.265.091 đồng (*Hai mươi triệu, hai trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm chín mươi một đồng*), tiền lãi: 5.741.000 đồng (*Năm triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn đồng*)).

2. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên X phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần S số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004543 ngày 03/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân T3;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

Trần Thị T2

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Trần Thị Thúy**

7

